Nhiệm vụ 1: *Chọn từ gạch chân có cách phát âm khác*

1. A. prov<u>er</u>b	B. togeth<u>er</u>	C. ex<u>er</u>cise
2. A. l<u>ea</u>rn	B. <u>ea</u>rn	C. h<u>ea</u>r
3. A. collect<u>ed</u>	B. clean<u>ed</u>	C. decid<u>ed</u>
4. A. listen<u>ed</u>	B. help<u>ed</u>	C. watch<u>ed</u>
5. A. lau<u>gh</u>	B. <u>gh</u>ost	C. rou<u>gh</u>

Nhiệm vụ 2: *Hoàn thành câu với các từ đã cho*

hobby	coloured vegetables	chapped lips
mountainous areas	taking photos	community

1. Eating _____and exercising can help you keep fit and stay healthy.
2. The Donate a Book event helps children in _____.
3. My brother spends a lot of time making models. that's his _____.
4. If you have _____, use lip balm.
5. There are many things you can do to help your _____.
6. I love _____ of the sunset.

LIVEWORKSHEETS

Nhiệm vụ 3: *Chia các động từ trong ngoặc ở thì thích hợp*

1. He often (read) _____books in dim light, so his eyes hurt.

2. _____ you (do) _____ the gardening at the weekend?

3. Ordinary people (need) _____ about 2,000 calories a day to stay healthy.

4. I (cannot) _____ ride a bicycle when I was 6.

5. Last summer Phong (not volunteer) _____ to teach maths to street children.

6. We (join) _____ the project Plant a Tree in 2019 to make our area green.

LIVEWORKSHEETS